

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2024/DS-ST.

Ngày: 27-02-2024

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Thái

Ông Trần Văn Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Khánh Huy, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 297/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2024/QĐXXST – DS ngày 16 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Từ Q, sinh năm 1962 (Có mặt)

Địa chỉ: số nhà E đường L, khóm B, phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Phạm T, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm C, phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện lập ngày 03/10/2023 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Từ Q trình bày:

Vào ngày 09/8/2022 âm lịch (nhằm ngày 04/9/2022 dương lịch) ông Phạm T có hỏi vay của ông số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 4%/tháng, đóng lãi hàng tháng, ông T đã đóng lãi đến ngày 09/4/2023 âm lịch (nhằm ngày 27/5/2023 dương lịch).

Ngày 26/4/2023 âm lịch ông Phạm T có hỏi vay của ông số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, đóng lãi được một tháng, đến ngày 26/5/2023 âm lịch (nhằm ngày 13/7/2023 dương lịch) thì ông T đi đâu khỏi địa

phương, không tiếp tục đóng lãi cho ông hai khoản vay. Ông đã điện thoại cho ông T nhiều lần nhưng ông T không nghe máy.

Theo đơn khởi kiện ông yêu cầu ông Phạm T trả cho ông số tiền vốn vay là 40.000.000 đồng và tiền lãi là 8.000.000 đồng, tổng số tiền yêu cầu là 48.000.000 đồng nhưng tại phiên tòa hôm nay ông thay đổi yêu cầu khởi kiện về lãi suất, ông vẫn giữ nguyên yêu cầu ông Phạm T trả cho ông số tiền vốn vay là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) và lãi suất ông yêu cầu mức lãi suất 1,66%/tháng kể từ ngày 28/5/2023 dương lịch đối với khoảng vay ngày 09/8/2022 âm lịch và tính lãi suất 1,66%/tháng kể từ ngày 14/7/2023 dương lịch đối với khoảng vay ngày 26/4/2023 âm lịch.

2/ Quá trình tố tụng bị đơn ông Phạm T không có mặt để tham gia phiên tòa cũng không có ý kiến trình bày.

3/ Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của BLTTDS, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định triệu tập của BLTTDS.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên phát biểu về tính có căn cứ và hợp pháp của yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Từ Q buộc ông Phạm T có trách nhiệm trả cho ông Q số tiền vốn vay 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) và tiền lãi suất 1,66%/tháng đối với từng yêu cầu mốc thời gian vay của từng khoảng vay.

* Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên đơn khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Phạm T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về nội dung: Ông Từ Q yêu cầu ông Phạm T có trách nhiệm trả cho ông số tiền vay 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng). Ông Q có cung cấp hai tờ giấy cho vay tiền cụ thể: Giấy cho vay tiền lập ngày 09/8/2022 âm lịch có nội dung ông Phạm T vay của ông Từ Q số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) có chữ ký và ghi rõ họ tên Phạm T dưới chữ Bên B (Bên vay); Giấy cho vay tiền lập ngày 26/4/2023 âm lịch có nội dung ông Phạm T vay của ông Từ Q số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) có chữ ký và ghi rõ họ tên Phạm T dưới chữ Bên B (Bên vay). Tòa án đã thông báo cho phía bị đơn ông Phạm T nội dung khởi kiện, tài liệu kèm theo đơn kiện mà ông T vẫn không có ý kiến phản đối về yêu cầu khởi kiện của ông Q. Cho nên Hội đồng xét xử xác định ông Phạm T có hỏi vay tiền của ông Từ Q hai lần, mỗi lần 20.000.000 đồng,

tổng cộng là 40.000.000 đồng là có thật. Trong hai giấy vay tiền thỏa thuận lãi suất trả hàng tháng và thời hạn trả nợ vay là 06 tháng, theo như ông Q trình bày ông T chỉ đóng lãi được một thời gian thì ngưng đóng lãi và đến nay cũng không trả vốn cho ông là vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên ông Q khởi kiện yêu cầu ông T yêu cầu trả số tiền vốn vay 40.000.000 đồng là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu lãi suất: Tại đơn kiện lập ngày 03/10/2023 nguyên đơn ông Q yêu cầu bị đơn ông T trả lãi suất 8.000.000 đồng, tại phiên tòa ông yêu cầu tính lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày ông T ngưng đóng lãi đến ngày xét xử sơ thẩm, cụ thể khoảng vay 20.000.000 đồng ngày 09/8/2022 âm lịch thì ngưng đóng lãi ngày 09/4/2023 âm lịch nhằm ngày 27/5/2023 dương lịch, sẽ yêu cầu tính lãi suất từ ngày 28/5/2023 dương lịch đến ngày xét xử là ngày 27/02/2024 và khoảng vay 20.000.000 đồng ngày 26/4/2023 âm lịch thì ngưng đóng lãi ngày 26/5/2023 âm lịch nhằm ngày 13/7/2023 dương lịch, sẽ yêu cầu tính lãi suất từ ngày 14/7/2023 dương lịch đến ngày xét xử là ngày 27/02/2024. Nhận thấy, trong hai giấy cho vay tiền ông Q cung cấp đều thể hiện mức lãi suất 4%/tháng và 5%/tháng, đóng lãi hàng tháng nhưng ông T không đóng lãi đầy đủ, tại phiên tòa ông Q yêu cầu mức lãi suất 1,66%/tháng là phù hợp quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Số tiền lãi được tính cụ thể: khoảng vay 20.000.000 đồng ngày 09/8/2022 âm lịch thì ngưng đóng lãi ngày 09/4/2023 âm lịch nhằm ngày 27/5/2023 dương lịch, số tiền lãi tính từ ngày 28/5/2023 dương lịch đến ngày xét xử là ngày 27/02/2024 quy ra tiền là 2.988.000 đồng và khoảng vay 20.000.000 đồng ngày 26/4/2023 âm lịch thì ngưng đóng lãi ngày 26/5/2023 âm lịch nhằm ngày 13/7/2023 dương lịch, số tiền lãi tính từ ngày 14/7/2023 dương lịch đến ngày xét xử là ngày 27/02/2024 quy ra tiền là 2.468.000 đồng, tổng số tiền lãi ông T phải trả cho ông Q là 5.456.000 đồng (Năm triệu, bốn trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Q được chấp nhận nên ông Q không phải chịu án phí và ông Q được miễn tiền tạm ứng án phí nên không xem xét việc hoàn trả tiền tạm ứng án phí. Bị đơn ông T phải án phí số tiền 2.272.800 đồng quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm tại phiên tòa hoàn toàn có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 280; 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Từ Q về việc yêu cầu ông Phạm T trả nợ vay.

Buộc ông Phạm T có trách nhiệm trả cho ông Từ Q số tiền vốn vay là 40.000.000 đồng và tiền lãi là 5.456.000 đồng, tổng số tiền là 45.456.000 đồng (bốn mươi lăm triệu, bốn trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Từ Q thì hàng tháng ông Phạm T còn phải chịu khoản tiền lãi chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành án xong.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Từ Q không phải chịu án phí.

Ông Phạm T phải chịu án phí số tiền là 2.272.800 đồng (Hai triệu, hai trăm bảy mươi hai nghìn, tám trăm đồng).

3/ Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh Sóc Trăng (1);
- VKSND thị xã Ngã Năm (1);
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm (1);
- Các đương sự (3);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
ĐÃ KÝ**

Đặng Thị Vàng